TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 07-4-2020.
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phạm Văn Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Ngọc Dình.

Ông Võ Văn Long.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ái Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 07 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2020, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 20 tháng 3 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Ông Đoàn Văn Ng, sinh năm: 1982.
Cư trú tại: Số 76, ấp 5, xã T, huyện P, tỉnh Tiền Giang.
Bị đơn: Bà Cao Thị N, sinh năm: 1988.
Cư trú tại: Số nhà 38/2 ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Long An.
(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 10 năm 2019 và trong quá trình xét xử, ông Đoàn Văn Ng là nguyên đơn trình bày: Ông và bà Cao Thị N tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/10/2017, tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai người bất đồng quan điểm nên thường xuyên cải vã và bà N bỏ về nhà cha mẹ ruột sống. Hai người không còn chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông xin được ly hôn với bà Cao Thị N.

Về con chung: Ông và bà N không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bà Cao Thị N là bị đơn hiện đang có mặt tại địa phương, Tòa án nhiều lần tống đạt các thông báo phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho ông Cao Văn C, là em ruột của bà N, cam kết giao lại cho bà N nhưng bà N vắng mặt không lý do, do đó cần áp dụng các Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà Cao Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Đoàn Văn Ng xin ly hôn với bà Cao Thị N, việc tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý, giải quyết.

[2] Ông Đoàn Văn Ng và bà Cao Thị N được tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/10/2017, tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An, nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3] Theo ông Đoàn Văn Ng sau ngày cưới vợ chồng sống hoà thuận hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai người bất đồng quan điểm nên thường xuyên cải vã, bà N bỏ về nhà cha mẹ ruột sống. Hai người không còn chung sống với nhau từ năm 2018 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông Ng xin ly hôn với bà N. Đối với bà Cao Thị N hiện đang có mặt tại địa phương, Tòa án đã nhiều lần tống đạt các thông báo phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho ông Cao Văn C, là em ruột của bà N, cam kết giao lại cho bà N nhưng bà N vắng mặt không lý do, đã thể hiện ý thức không hợp tác của bà N. Xét thấy giữa hai đương sự đã phát sinh mâu thuẫn, nhưng hai đương sự không có thiện chí hàn gắn lại, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho ông Đoàn Văn Ng được ly hôn với bà Cao Thị N, theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về nuôi con chung: Nguyên đơn khai trình hai đương sự không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khai trình không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về án phí: Ông Đoàn Văn Ng phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ông Đoàn Văn Ng được ly hôn với bà Cao Thị N.

2. Về án phí: Ông Đoàn Văn Ng phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Cho chuyển số tiền tạm ứng án phí ông Ng đã nộp là 300.000 đồng sang khoản án phí phải thi hành, theo biên lai thu số 0000202 ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Toà án tống đạt hợp lệ bản án, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã P, huyện C, tỉnh Long An;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Văn Thái